

Số: 297/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả
công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002;

Để nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các
hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân các cấp

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh
giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối
cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung
ương, Viện kiểm sát quân sự Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo VKSNDTC;
- Các đơn vị trực thuộc VKSNDTC;
- VKSND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- VKS quân sự Trung ương;
- Lưu: VT, VP.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Hoàng Nghĩa Mai

HỆ THỐNG

CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ
TRONG NGÀNH KIỂM SÁT NHÂN DÂN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-VKSTC ngày 13/6/2012
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

STT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	MỨC CHỈ TIÊU		
		VKSND cấp huyện	VKSND cấp tỉnh	VKSND tối cao
I		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT TỔ GIÁC, TIN BÁO VỀ TỘI PHẠM		
1	1	- Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trên tổng số thụ lý giải quyết		
		≥ 70%		
2	2	- Tỷ lệ số tố giác, tin báo quá hạn trên số tố giác, tin báo chưa giải quyết		
		≤ 20%		
3	3	- Kiểm sát trực tiếp việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm của Cơ quan điều tra		
		≥ (1 lần/ 1 năm) (VKS huyện; VKS tỉnh; riêng VKS tối cao giao cho Vụ 1A chủ trì phối hợp thực hiện)		
II		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC BẮT, GIỮ VÀ CHẾ ĐỘ GIAM, GIỮ		
4	1	- Không có số tạm giữ, tạm giam quá hạn		
		100%		
5	2	- Kiểm sát trực tiếp nhà tạm giữ, trại tạm giam		
		≥ 1 lần/ 1 quý (nhà tạm giữ)	≥ 1 lần/ 1 quý (trại tạm giam)	- ≥ 2 lần/ 1 năm (4 trại tạm giam thuộc Bộ Công an) - Phối hợp với VKS tỉnh ≥ 1 lần/ 1 năm (4 trại tạm giam thuộc Công an cấp tỉnh)
6	3	- Ban hành kiến nghị tình trạng vi phạm trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam và thực hiện chế độ giam, giữ		
		≥ 1 kiến nghị/ 1 năm (được tiếp thu)		
7	4	- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ		
			≥ (4 thông báo rút kinh nghiệm/ 1 năm)	≥ (4 thông báo rút kinh nghiệm/ 1 năm)
III		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT ĐIỀU TRA CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ		
8	1	- Tỷ lệ bắt, giữ hình sự chuyển khởi tố trên số bị bắt, giữ hình sự đã giải quyết		
		≥ 95%		

STT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	MỨC CHỈ TIÊU			
		VKSND cấp huyện	VKSND cấp tỉnh	VKSND tối cao	
9	2	- Việc xử lý án của năm trước chuyển sang (chậm nhất)		Hết quý II	Hết quý III
10	3	- Tỷ lệ giải quyết án của Cơ quan điều tra (tính cả số án xử lý tạm đình chỉ)		≥ 80%	
11	4	- Không có án đình chỉ điều tra vì không phạm tội		100%	
12	5	- Tỷ lệ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung		≤ 6%	
13	6	- Tỷ lệ giải quyết án ở Viện kiểm sát		≥ 95%	
14	7	- Xác định án trọng điểm (tỷ lệ án điểm trên tổng số vụ thụ lý điều tra)		≥ 5% (từ 1 đến 3 vụ đối với đơn vị dưới 100 vụ/năm)	
15	8	- Ban hành kiến nghị vi phạm của Cơ quan điều tra trong hoạt động điều tra		≥ [1 kiến nghị/ 1 năm (được tiếp thu)] (VKS cấp huyện, các đơn vị THQCT&KSĐT, KSXXST VKS cấp tỉnh và các đơn vị THQCT&KSĐT thuộc VKSND tối cao)	
16	9	- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ		1 đơn vị kiểm sát điều tra ≥ (4 thông báo rút kinh nghiệm/ 1 năm)	
IV		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ KIỂM SÁT XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ			
17	1	- Tòa án tuyên huỷ án sơ thẩm, phúc thẩm để điều tra hoặc xét xử lại do có trách nhiệm của Viện kiểm sát (trong cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử)		0%	
18	2	- Số bị cáo Tòa án xét xử tuyên không phạm tội		0%	
19	3	- Số lượng kháng nghị phúc thẩm của VKS: + Kháng nghị ngang cấp: Tỷ lệ số án VKS cấp sơ thẩm kháng nghị (phúc thẩm) trên số án bị Tòa cấp phúc thẩm xét xử tuyên sửa, huỷ		≥ 15%	
		+ Kháng nghị của VKS cấp trên: Tỷ lệ số án VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm trên số án bị Tòa cấp phúc thẩm tuyên sửa, huỷ		≥ 5% (VKSND tối cao áp dụng cho các Viện Phúc thẩm 1,2,3)	

STT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	MỨC CHỈ TIÊU			
		VKSND cấp huyện	VKSND cấp tỉnh	VKSND tối cao	
20	4	<p>- Chất lượng kháng nghị phúc thẩm của VKS</p> <p>+ Kháng nghị ngang cấp: Tỷ lệ số bị cáo VKS kháng nghị phúc thẩm ngang cấp được VKS cấp phúc thẩm bảo vệ kháng nghị trên số bị cáo VKS kháng nghị phúc thẩm ngang cấp</p> <p>+ Tỷ lệ số bị cáo VKS bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Tòa án xét xử chấp nhận trên số bị cáo VKS kháng nghị phúc thẩm đã xét xử</p>	$\geq 85\%$		
				70% (VKSND tối cao áp dụng cho các Viện Phúc thẩm 1,2,3)	
21	5	<p>- Chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của VKS</p> <p>+ Tỷ lệ số bị cáo VKS kháng nghị được Tòa án xét xử chấp nhận trên số bị cáo VKS bảo vệ kháng nghị</p> <p>+ Tỷ lệ số bị cáo VKS rút kháng nghị (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) và số bị cáo Tòa án không chấp nhận kháng nghị trên tổng số bị cáo VKS kháng nghị</p>	$\geq 85\%$		
				$\leq 20\%$	
22	6	- Phối hợp với Tòa án tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm	$I KSV \geq (I P.Tòa/năm)$ (KSV KSHS VKS cấp huyện và đơn vị THQCT&KSĐT, KSXXHS VKS cấp tỉnh)		
23	7	- Ban hành kiến nghị vi phạm trong hoạt động xét xử các vụ án hình sự	$\geq [I kiến nghị/ I năm (được tiếp thu)]$ (VKSND cấp huyện; các đơn vị THQCT & KSĐT, KSXXHS VKSND cấp tỉnh; các Vụ 3, Viện PT 1,2,3 VKSNDTC)		
24	8	- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ		$I đơn vị KSXX \geq (4 thông báo rút kinh nghiệm/ I năm)$	
V	CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC ĐIỀU TRA ÁN HÌNH SỰ CỦA CƠ QUAN ĐIỀU TRA VKSND TỐI CAO VÀ VKSQS TRUNG ƯƠNG				
25	1	- Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trên tổng số thụ lý giải quyết			$\geq 70\%$
26	2	- Tỷ lệ số tố giác, tin báo quá hạn trên số tố giác, tin báo chưa giải quyết			$\leq 20\%$
27	3	- Tỷ lệ bắt, giữ hình sự chuyển khỏi tố trên số bị bắt, giữ hình sự đã giải quyết			$\geq 95\%$
28	4	- Không có số tạm giữ, tạm giam quá hạn			100%
29	5	- Việc giải quyết án tồn của năm trước chuyển sang (chậm nhất)			Hết quý III

STT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	MỨC CHỈ TIÊU		
		VKSND cấp huyện	VKSND cấp tỉnh	VKSND tối cao
30	6	- Tỷ lệ giải quyết án (tính cả số án xử lý tạm đình chỉ)		≥ 80%
31	7	- Không có án đình chỉ điều tra vì không phạm tội		100%
32	8	- Không có án hủy để điều tra lại		100%
33	9	- Tỷ lệ án trả hồ sơ để điều tra bổ sung		≤ 6%
34	10	- Ban hành kiến nghị xử lý, phòng ngừa vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực tư pháp		≥ [4 kiến nghị/ 1 năm (được tiếp thu)]
VI		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ, VIỆC DÂN SỰ		
35	1	- Số án bị huỷ liên quan đến trách nhiệm của VKS		0%
36	2	- Số lượng kháng nghị phúc thẩm của VKS: + Kháng nghị ngang cấp: Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm của VKS cấp sơ thẩm trên số án bị Tòa cấp phúc thẩm xét xử tuyên sửa, huỷ		≥ 10%
		+ Kháng nghị của VKS cấp trên: Tỷ lệ số án VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm trên số án bị Tòa cấp phúc thẩm tuyên sửa, huỷ		≥ 10% Viện Phúc thẩm 1,2,3 ≥ 5%
37	3	- Chất lượng kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát + Kháng nghị ngang cấp: Tỷ lệ số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm ngang cấp được VKS cấp phúc thẩm bảo vệ kháng nghị trên số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm ngang cấp		≥ 90%
		+ Tỷ lệ số vụ, việc VKS bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Tòa án xét xử chấp nhận trên số vụ, việc VKS kháng nghị phúc thẩm đã xét xử		80% (VKSND tối cao áp dụng cho các Viện Phúc thẩm 1,2,3)

STT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	MỨC CHỈ TIÊU		
		VKSND cấp huyện	VKSND cấp tỉnh	VKSND tối cao
38	4			≥ 85%
				≤ 10%
39	5	≥ [1 kiến nghị/ 1 năm (được tiếp thu)] (VKS cấp huyện; Phòng KS việc giải quyết các vụ, việc dân sự VKS cấp tỉnh; Vụ 5, Viện PT 1,2,3 VKSNDTC)		
40	6		1 đơn vị KSGQ án dân sự ≥ (4 thông báo rút kinh nghiệm/ 1 năm	
VII	CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT CÁC VỤ ÁN HÀNH CHÍNH - KINH TẾ - LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG VIỆC KHÁC THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT			
41	1	Số án bị huỷ liên quan đến trách nhiệm của VKS		
42	2		≥ 10%	
				≥ 10%
43	3		≥ 85%	
				75% (VKSND tối cao áp dụng cho các Viện Phúc thẩm 1,2,3)

STT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	MỨC CHỈ TIÊU		
		VKSND cấp huyện	VKSND cấp tỉnh	VKSND tối cao
44	4	<p>- Chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát</p> <p>+ Tỷ lệ số kháng nghị của VKS bảo vệ được Tòa án xét xử chấp nhận trên số kháng nghị của VKS đã được Tòa án giải quyết.</p> <p>+ Tỷ lệ kháng nghị của VKS bị rút (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số kháng nghị của VKS</p>		
			≥ 85%	
				≤ 10%
45	5	<p>- Ban hành kiến nghị các vi phạm của Tòa án trong công tác giải quyết các vụ án kinh doanh thương mại, lao động, hành chính và những việc khác theo quy định của pháp luật</p>		
		<p>≥ [1 kiến nghị/ 1 năm (được tiếp thu)] (VKS cấp huyện; Phòng KS việc giải quyết các vụ án KDTM, LĐ, HC... VKS cấp tỉnh; Vụ 12, Viện PT 1,2,3 VKSNDTC)</p>		
46	6	<p>- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ</p>		
			<p>1 đơn vị KSGQ án KDTM, LĐ, HC ≥ (4 thông báo rút kinh nghiệm/ 1 năm)</p>	
VIII		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ		
47	1	<p>- Kiểm sát trực tiếp hoạt động thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự và cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự</p>		
		<p>≥ (1 lần/ 1 năm đối với cơ quan THAHS CA huyện và 20% số UBND cấp xã có bị án đang THA về án treo, cải tạo không giam giữ)</p>	<p>≥ (1 lần/ 1 năm đối với trại giam và cơ quan THAHS CA tỉnh)</p> <p>≥ (1 lần/ 6 tháng đối với trại tạm giam)</p>	<p>Phối hợp với VKS tỉnh kiểm sát từ 2 đến 4 trại giam thuộc BCA hoặc cơ quan THAHS cấp tỉnh hoặc huyện/ 1 năm</p>
48	2	<p>- Kiểm sát việc ra quyết định về thi hành án của Tòa án trong thời hạn luật định</p>		
		100%		
49	3	<p>- Kiểm sát việc lập hồ sơ về giảm án, tạm đình chỉ, hoãn, miễn thi hành án,... đúng pháp luật</p>		
		100%		
50	4	<p>- Bắt thi hành án hình sự số bị án bị phạt tù đang tại ngoại, không tự nguyện thi hành án và có đủ điều kiện bắt, đảm bảo đúng thời hạn</p>		
		100%		
51	5	<p>- Ban hành kháng nghị, kiến nghị vi phạm trong hoạt động thi hành án hình sự</p>		
		<p>≥ [1 kháng nghị hoặc kiến nghị/ 1 năm (được tiếp thu)]</p>		
52	6	<p>- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ</p>		
			<p>≥ (4 thông báo rút kinh nghiệm/ 1 năm)</p>	

STT	NỘI DUNG CHỈ TIÊU	MỨC CHỈ TIÊU		
		VKSND cấp huyện	VKSND cấp tỉnh	VKSND tối cao
IX		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC KIỂM SÁT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ		
53	1	- Kiểm sát trực tiếp hoạt động thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự	$\geq (1 \text{ lần/ } 1 \text{ năm})$	P/hợp với VKS tỉnh KS \geq từ 2 đến 4 CQ THADS cấp tỉnh hoặc huyện/1 năm
54	2	- Kiểm sát việc ra quyết định về thi hành án của cơ quan Thi hành án trong thời hạn luật định	100%	
55	3	- Kiểm sát các hồ sơ hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ thi hành án, xác minh, phân loại điều kiện thi hành án, ... đảm bảo đúng quy định	100%	
56	4	- Ban hành kháng nghị, kiến nghị vi phạm trong hoạt động thi hành án dân sự	$\geq [1 \text{ kháng nghị hoặc kiến nghị/ } 1 \text{ năm (được tiếp thu)}]$	
57	5	- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ		$\geq (4 \text{ thông báo rút kinh nghiệm/ } 1 \text{ năm})$
X		CÁC CHỈ TIÊU CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ KIỂM SÁT VIỆC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TRONG HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP		
58	1	- Tổ chức công tác tiếp dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật	100%	
59	2	- Không có khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm giải quyết của Viện kiểm sát để quá hạn mà không xử lý	100%	
60	3	- Không có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm để quá hạn mà không xử lý, trả lời	100%	
61	4	- Tỷ lệ giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát	$\geq 70\%$	
62	5	- Tỷ lệ giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát	$\geq 80\%$	Vụ 3, Vụ 5 và Vụ 12 $\geq 25\%$
63	6	- Kiểm sát trực tiếp việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp	$\geq (1 \text{ đơn vị/ } 1 \text{ năm})$	
64	7	- Ban hành thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ		$\geq (4 \text{ thông báo rút kinh nghiệm/ } 1 \text{ năm})$

Ghi chú: Các chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân nêu trên cũng được áp dụng thực hiện đối với Viện kiểm sát quân sự các cấp.